

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: TOÁN
KHỐI: 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 07

- Tập hợp
- Tập hợp các số tự nhiên.
- Phép cộng, phép trừ các số tự nhiên.
- Phép nhân, phép chia các số tự nhiên.
- Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.
- Thứ tự thực hiện phép tính
- Quan hệ chia hết. Tính chất chia hết.
- Dấu hiệu chia hết.
- Tam giác đều. Hình vuông. Lục giác đều
- Hình chữ nhật. Hình thoi.

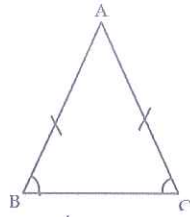
II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm: Chọn phương án trả lời đúng trong mỗi câu sau

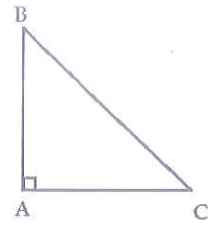
- Câu 1: Cách viết đúng tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5 là:
A. $A = \{ 1; 2; 3; 4; 5 \}$ B. $A = \{ x | x \in \mathbb{N}, x < 5 \}$
C. $A = \{ 1; 2; 3; 4 \}$ D. $A = \{ 0; 1; 2; 3; 4; 5 \}$
- Câu 2: Kết quả viết tích $6^7 \cdot 6^5$ dưới dạng một lũy thừa là:
A. 6^{35} B. 6^2 C. 6^{12} D. 36^{12}
- Câu 3: Viết kết quả của phép tính $3^6 : 3^2$ dưới dạng một lũy thừa:
A. 3^3 B. 3^8 C. 1^3 D. 3^4
- Câu 4: Để viết tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 8 ta viết:
A. $M = \{ 3; 4; 5; 6; 7; 8 \}$ B. $M = \{ x | x \in \mathbb{N}, 2 < x \leq 8 \}$
C. $M = \{ x | x \in \mathbb{N}, 3 \leq x < 9 \}$ D. Cả 3 ý A, B và C đều đúng
- Câu 5: Số phần tử của tập hợp $A = \{ x | x \in \mathbb{N}, 25 < x \leq 110 \}$ là:
A. 32 B. 33 C. 84 D. 85
- Câu 6: Tập hợp ước của số 20 là:
A. $\{ 2; 3; 4; 5; 10 \}$ C. $\{ 0; 20; 40; 60; 80 \}$
B. $\{ 0; 2; 4; 5; 10; 20 \}$ D. $\{ 1; 2; 4; 5; 10; 20 \}$
- Câu 7: Tổng $15 + 30$ chia hết cho số nào sau đây:
A. 2 và 3 B. 2 và 5 C. 3 và 5 D. 2; 3 và 5
- Câu 8: Số nào không chia hết cho 9?
A. $a = 135 + 270 + 1818$ B. $b = 9 \cdot 2021 + 234$
C. $c = 2601 - 99$ D. $d = 9 \cdot 1234 - 2021$
- Câu 9: Kết quả của phép tính $x^{12} : x (x \neq 0)$ là
A. x^{12} B. x C. x^6 D. x^{11}
- Câu 10: Đặc điểm nào dưới đây không phải là tính chất của hình vuông ABCD?
A. $AB = BC = CD = DA$ B. AB và CD song song với nhau
C. AD và CD song song với nhau D. Hai đường chéo AC và BD bằng nhau
- Câu 11: Bác Hòa uốn một sợi dây thép thành móc treo đồ có dạng hình thoi với độ dài cạnh bằng 25cm. Hỏi bác Hòa cần bao nhiêu mét dây thép?
A. 50cm B. 75cm C. 1m D. 1dm

Câu 12: Hình nào dưới đây là hình vẽ chỉ tam giác đều?

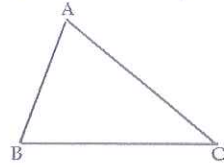
A.



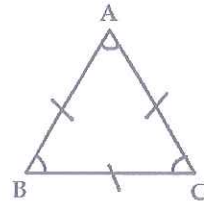
B.



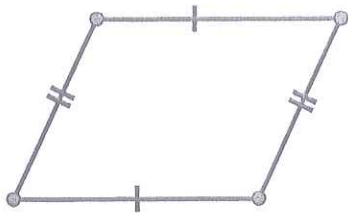
C.



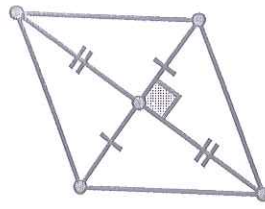
D.



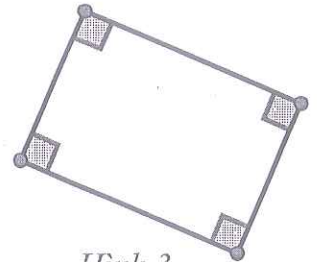
Câu 13: Cho các hình sau, chọn khẳng định đúng.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

A. Cả ba hình đều là hình thoi

B. Hình 1 và hình 2 là hình thoi

C. Chỉ hình 2 là hình thoi

D. Cả ba hình đều không phải hình thoi

Câu 14: Cho một hình vuông, hỏi nếu cạnh của hình vuông đã cho tăng gấp 3 lần thì diện tích của nó tăng gấp bao nhiêu lần?

A. 3 lần

B. 6 lần

C. 8 lần

D. 9 lần

Câu 15: Công thức tính chu vi của hình chữ nhật có độ dài 2 cạnh a; b là:

A. $C = 4a$

B. $C = (a + b)$

C. $C = ab$

D. $C = 2(a + b)$

Câu 16: Cho hình thoi, biết độ dài hai đường chéo là 2cm và 4cm. Thì diện tích hình thoi là:

A. 4

B. 6

C. 8

D. 2

Câu 17: Một người dự định dùng dây thép gai để bao quanh một khu vườn hình chữ nhật có kích thước 15m; 7m. Hỏi cần bao nhiêu mét dây thép gai để rào khu đất trên?

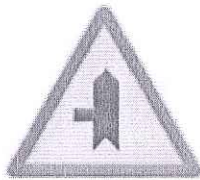
A. 22m

B. 210m

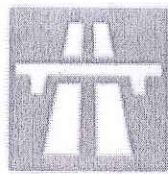
C. 44m

D. 105m

Câu 18: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có hình dạng là tam giác đều?



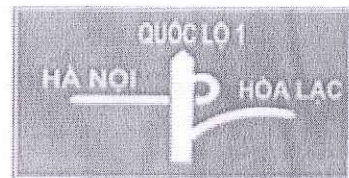
Biển báo 1



Biển báo 2



Biển báo 3



Biển báo 4

A. Biển báo 1.

B. Biển báo 3 C. Biển báo 4 D. Biển báo 2

Câu 19: Khẳng định nào sau đây là đúng nhất khi nói về hai đường chéo của hình thoi

A. Hai đường chéo song song với nhau

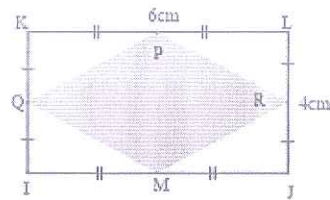
B. Hai đường chéo trùng nhau

C. Hai đường chéo vuông góc với nhau

D. Hai đường chéo bằng nhau

Câu 20: Diện tích hình tô màu trong hình bên là:

- A. 8 cm^2 B. 12 cm^2
 C. 6 cm^2 D. 24 cm^2



2. Tự luận

Bài 1: Cho tập hợp $B = \{2; 4; 6; 8; 10; 12\}$.

- a. Viết lại tập hợp B dưới dạng nêu tính chất đặc trưng của các phần tử.
 b. Cho biết các phân tử 1, 6, 9, 14 có thuộc tập hợp B không?

Bài 2: Cho hai tập hợp : $A = \{a, b\}$; $B = \{b, x, y\}$.

Điền kí hiệu thích hợp vào chỗ chấm :

- a) $x \dots A$ b) $y \dots B$ c) $b \dots A$ d) $b \dots B$.

Bài 3: a) Viết số tự nhiên liền trước của mỗi số sau: 25; 100; a ($a \in \mathbb{N}^*$)

b) Viết số tự nhiên liền sau của mỗi số sau: 75; 999; b

Bài 4: Viết các số lẻ từ 2 đến 10 bằng số La Mã, viết các số chẵn từ 5 đến 9 bằng số La Mã.

Bài 5: a) Dùng ba chữ số 1; 2; 6. Hãy viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số mà các chữ số khác nhau.

b) Dùng ba chữ số 0; 7; 5. Hãy viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số mà các chữ số khác nhau.

Bài 6: Viết kết quả mỗi phép tính sau dưới dạng một lũy thừa:

- a) $2^4 \cdot 2^5$ b) $5^{12} : 5^6$ c) $2 \cdot 6^4 \cdot 3$ d) $5^5 : 25$
 e) $32 : 2^3$ f) $12^2 \cdot 3 \cdot 12^3 \cdot 4$ g) $81 : 3^2$ h) $16 \cdot 64$

Bài 7: Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

- a) $287 + 121 + 513 + 79$ b) $45 \cdot 27 + 73 \cdot 45$
 c) $2^3 \cdot 3^2 + 4^2$ d) $72 - 54 : 9 \cdot 3 + 17$
 e) $6^2 - 12 : 2^2 \cdot 3 + 34$ f) $2 \cdot 345 + [11^2 - (575 - 572)^3 + 6$

Bài 8: Tìm số tự nhiên x , biết:

- a) $70 - 5 \cdot (x - 3) = 45$; b) $10 + 2 \cdot x = 4^5 : 4^3$.
 c) $60 - 3(x - 2) = 51$; d) $4x - 20 = 2^5 : 2^3$.
 e) $255 - (x + 9) = 184$ f) $541 + (218 - x) = 678$
 g) $(6x - 39) : 3 = 201$ h) $2^3 + (x - 3^2) = 5^3 - 4^3$
 i) $(x + 2)^2 = 25$ k) $x : 7$ và $15 < x < 56$

Bài 9: Cho tổng $A = 8 + 12 + x$ với $x \in \mathbb{N}$. Tìm x để:

- a) A chia hết cho số 2; b) A không chia hết cho số 2.

Bài 10: a) Hãy chỉ ra các ước của 6;10;12;13

b) Viết các bội nhỏ hơn 36 của 4;

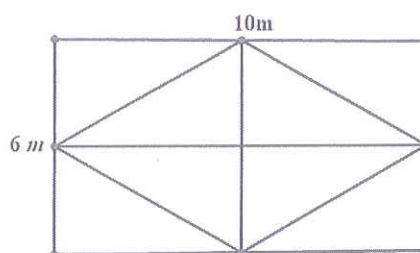
c) Viết các bội có hai chữ số của 12;

d) Viết các bội lớn hơn 10 và nhỏ hơn 70 của 8.

Bài 11: Phân xưởng sản xuất A gồm 25 công nhân, mỗi người làm trong một ngày được 40 sản phẩm. Phân xưởng sản xuất B có số công nhân nhiều hơn xưởng A là 5 người nhưng mỗi người trong một ngày chỉ được 30 sản phẩm. Tính tổng số sản phẩm cả hai phân xưởng đó làm được trong một ngày.

Bài 12: Nhà bác Tâm cần lát nền sân trước nhà có dạng hình chữ nhật bằng những viên gạch hình vuông có cạnh là 50cm. Hỏi bác Tâm cần bao nhiêu viên gạch để lát kín cái sân đó biết chiều dài sân là 8m và chiều rộng là 5m?

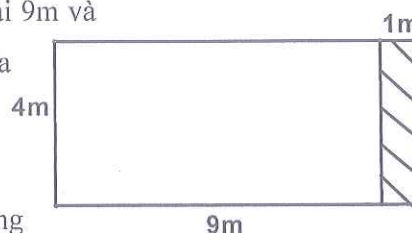
Bài 13: Nhà Lan có mảnh vườn hình chữ nhật chiều dài 10m, chiều rộng 6m. Để tạo cảnh quan cho ngôi nhà, Lan dự định trồng hoa trong mảnh đất hình thoi, phần diện tích còn lại Lan trồng cỏ (như hình dưới). Tính phần diện tích dùng để trồng cỏ.



Bài 14: Một khoảng sân có dạng hình chữ nhật với chiều dài 9m và chiều rộng 4m. Người ta để một phần của sân để trồng hoa (phần kẻ sọc), phần còn lại lát gạch (phần trắng).

a) Tính diện tích phần sân trồng hoa?

b) Nếu lát phần sân còn lại bằng những viên gạch hình vuông cạnh 40cm thì cần bao nhiêu viên gạch?



Bài 15: Tìm các chữ số a, b sao cho $\overline{712a4b}$ chia hết cho 2,3,5,9

Bài 16: Tìm số tự nhiên n sao cho :

a) $6 : (n+1)$

b) $(n+6) : (n+1)$

c) $(4n+9) : (2n+2)$

Bài 17: Tính:

$$A = 2 + 2^2 + 2^3 + 2^4 + \dots + 2^{50}$$

$$B = 3 + 3^2 + 3^3 + 3^4 + \dots + 3^{100}$$



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Nguyễn Thị Thanh Vân

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN - TIN - CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: TIN HỌC
KHỐI:6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến tuần 06:
 - Bài 1: Thông tin và dữ liệu.
 - Bài 2: Xử lý thông tin.
 - Bài 3: Thông tin trong máy tính
 - Bài 4: Mạng máy tính
2. Một số câu hỏi trọng tâm:
 - Câu 1: Thông tin là gì? Vật mang tin là gì?
 - Câu 2: Xử lý thông tin bao gồm những hoạt động cơ bản nào?
 - Câu 3: Máy tính bao gồm các thành phần nào thực hiện các hoạt động xử lý thông tin?
 - Câu 4: Dây bit là gì? Máy tính sử dụng dây bit để làm gì?
 - Câu 5: Mạng máy tính là gì? Nêu lợi ích của mạng máy tính?
 - Câu 6: Nêu các thành phần chính của mạng máy tính?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Trắc nghiệm khách quan: Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng

- Câu 1: Máy tính gồm mấy thành phần để có thể thực hiện được các hoạt động xử lý thông tin?
A. 3 B. 4 C. 5 D. 6
- Câu 2: Chức năng bộ nhớ của máy tính là gì?
A. Thu nhận thông tin C. Lưu trữ thông tin
B. Hiển thị thông tin D. Xử lý thông tin
- Câu 3: Dây bit là gì?
A. Là dây những kí hiệu 0 và 1. C. Là âm thanh phát ra từ máy tính
B. Là một dây chỉ gồm chữ số 2 D. Là dây những chữ số từ 0 đến 9
- Câu 4: Máy tính sử dụng dây bit để làm gì?
A. Biểu diễn các số C. Biểu diễn hình ảnh
B. Biểu diễn văn bản D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh
- Câu 5: Một GB xấp xỉ bao nhiêu byte?
A. 1000 byte C. Một tỉ byte
B. Một triệu byte D. Một nghìn tỉ byte
- Câu 6: Vật mang tin là:
A. Thông tin C. Dữ liệu
B. Máy tính D. Phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin
- Câu 7: Nghe bản tin dự báo thời tiết "Ngày mai trời có thể mưa", em sẽ xử lý thông tin và quyết định như thế nào ?

A. Mặc đồng phục

C. Ăn sáng trước khi đến trường

B. Đi học mang theo áo mưa

D. Hẹn bạn Trang cùng đi học

Câu 8: Một thẻ nhớ có dung lượng 102400 KB lưu trữ được khoảng bao nhiêu ảnh có dung lượng 512 KB ?

A. 2000 ảnh

B. 200 ảnh

C. 20 ảnh

D. 100 ảnh

Câu 9: Bàn phím, chuột, máy quét và webcam là những ví dụ về loại thiết bị nào của máy tính?

A. Thiết bị ra.

C. Thiết bị vào.

B. Thiết bị lưu trữ

D. Bộ nhớ.

Câu 10: Thiết bị nào sau đây không phải là thiết bị ra của máy tính?

A. Micro.

C. Màn hình.

B. Máy in.

D. Loa.

Câu 11: Đặc điểm nào sau đây không thuộc về máy tính?

A. Thực hiện nhanh và chính xác.

C. Lưu trữ lớn.

B. Suy nghĩ sáng tạo.

D. Hoạt động bền bỉ.

Câu 12: Thao tác ghi nhớ và cất giữ tài liệu của con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

A. Thu nhận thông tin.

C. Xử lý thông tin.

B. Lưu trữ thông tin.

D. Truyền thông tin.

Câu 13: Kết quả của việc nhìn thấy hoặc nghe thấy ở con người được xếp vào hoạt động nào trong quá trình xử lý thông tin?

A. Thu nhận thông tin.

C. Xử lý thông tin.

B. Lưu trữ thông tin.

D. Truyền thông tin.

Câu 14: Dữ liệu trong máy tính được mã hoá thành dãy bit vì:

A. Dãy bit đáng tin cậy hơn.

B. Dãy bit được xử lý dễ dàng hơn.

C. Dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn.

D. Máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.

Câu 15: Văn bản, số, hình ảnh, âm thanh, phim ảnh trong máy tính được gọi chung là:

A. lệnh

B. chỉ dẫn

C. thông tin

D. dữ liệu



BGH duyệt

TTCM

NTCM

Khúc Thị Mỹ Hạnh

Phạm Hải Yến

Trần Minh Ngọc

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: TOÁN – TIN- CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ
HỌC KÌ: I – NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: CÔNG NGHỆ
KHỐI: 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Em hãy nêu các kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam và nêu đặc điểm chung của các kiểu nhà ở này?

Câu 2: Kể tên các vật liệu được sử dụng trong xây dựng nhà ở và nêu công dụng của chúng?

Câu 3: Nêu vai trò và đặc điểm chung của nhà ở?

Câu 4: Em hãy mô tả các bước chính trong xây dựng nhà ở?

Câu 5: Thế nào là ngôi nhà thông minh và nó thường bao gồm các hệ thống nào?

Câu 6: Nêu đặc điểm của ngôi nhà thông minh và cách sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong gia đình?

Câu 7: Kể tên và nêu vai trò của các nhóm thực phẩm chính cung cấp các chất cần thiết cho cơ thể con người?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Câu 1. Vì sao nhà nổi có thể nổi được trên mặt nước?

- A. Do có tường nhẹ
B. Có hệ thống phao dưới sàn
C. Mái nhà rất nhẹ
D. Có sàn nhẹ

Câu 2. Nhà nổi thường có ở khu vực nào?

- A. Đồng bằng Bắc Bộ.
B. Trung du Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Tây Bắc, Tây Nguyên.

Câu 3. Kiểu nhà được thiết kế 3-5 tầng, tận dụng ưu thế mặt tiền để kinh doanh thường thấy ở khu vực nào?

- A. Nhà ở nông thôn
B. Nhà ở chung cư
C. Nhà ở mặt phố
D. Nhà ở vùng núi.

Câu 4. Còi báo cháy kêu khi phát hiện nồng độ khói trong nhà vượt ngưỡng an toàn thuộc đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh?

- A. Tính tiện nghi.
B. Tiết kiệm năng lượng.
C. Tính an toàn cao.
D. Đáp án khác.

Câu 5. Nhà ở bao gồm các phần chính là:

- A. Móng nhà, sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ.
B. Sàn nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ
C. Móng nhà, khung nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ
D. Móng nhà, sàn nhà, tường, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

Câu 6. Nhà ở là công trình được xây dựng với mục đích để:

- A. Để ở và giúp bảo vệ con người trước tác động xấu của thiên nhiên
B. Để trồng cây
C. Phục vụ sinh hoạt cá nhân hoặc hộ gia đình
D. Để ở và giúp bảo vệ con người trước tác động xấu của thiên nhiên, để trồng cây

Câu 7. Nhà thường được phân chia thành các khu vực chức năng như:

- A. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
- B. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn.
- C. Khu sinh hoạt chung, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh
- D. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

Câu 8. Các bước chính xây dựng nhà ở cần tuân theo quy trình sau:

- A. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện.
- B. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô.
- C. Thiết kế, thi công thô, hoàn thiện.
- D. Hoàn thiện, thiết kế, thi công thô.

Câu 9. Ngôi nhà thông minh thường lắp đặt các hệ thống điều khiển tự động, bán tự động như:

A. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống giải trí.

B. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống giải trí; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

C. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống giải trí; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

D. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

Câu 10. Giúp cho xương và răng chắc khỏe là vai trò chủ yếu của loại muối khoáng nào?

- A. Sắt
- B. Calcium
- C. Kẽm
- D. Iodine

Câu 11. Nhà ở chung cư có kiểu kiến trúc như thế nào?

- A. Có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi lên
- B. Nhà được xây dựng để phục vụ nhiều hộ gia đình
- C. Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt
- D. Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng

Câu 12. Khi có nguy cơ mất an toàn, hệ thống an ninh báo cháy và chữa cháy sẽ thông báo cho chủ nhà qua:

- A. điện thoại.
- B. còi, đèn, chớp.
- C. chờ chủ nhà về.
- D. Điện thoại, còi, đèn, chớp

Câu 13. Thực phẩm nào là nguồn năng lượng chính cung cấp chất đường bột cho cơ thể?

- A. Thịt bò
- B. Gạo
- C. Mỡ lợn
- D. Rau bắp cải

Câu 14. Các loại thực phẩm như: Thịt lợn, gan, thịt bò cung cấp chủ yếu vitamin gì?

- A. Vitamin A
- B. Vitamin C
- C. Vitamin B
- D. Vitamin E

Câu 15. Người đi tới đâu, hệ thống đèn tương ứng tự động bật để chiếu sáng, là hệ thống điều khiển nào trong ngôi nhà thông minh?

- A. Nhóm hệ thống giải trí thông minh
- B. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn
- C. Nhóm hệ thống camera giám sát an ninh
- D. Nhóm hệ thống chiếu sáng.



Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM/NTCM

Phạm Thị Hải Yến

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

Trọng tâm kiến thức của bài 1 (Tôi và các bạn) và bài 2 (Gỗ cửa trái tim)

1. Phần văn bản: HS nắm được

- Khái niệm truyện đồng thoại, thơ
- Đặc điểm về phương thức biểu đạt, ngôi kể, lời kể...., đặc điểm của văn bản thơ
- Nắm được nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật của các truyện đồng thoại, các văn bản thơ. Biết vận dụng bài học từ các văn bản vào cuộc sống

*** Yêu cầu:** Đọc lại các văn bản, nắm được đặc trưng của từng thể loại văn bản:

- Phương thức biểu đạt, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa (đối với văn bản truyện).

- Phương thức biểu đạt, thể loại, ngôn ngữ, hình ảnh, nội dung, nghệ thuật, cảm xúc (đối với các văn bản thơ)

2. Phần Tiếng Việt:

HS nhận biết khái niệm và thực hành nhận diện, sử dụng các đơn vị kiến thức tiếng Việt.

- Từ và nghĩa của từ.
- Từ đơn, từ phức.
- Phân biệt từ láy, từ ghép
- Biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa.

3. Phần thực hành viết:

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân

Yêu cầu: HS trình bày đúng kiểu bài tự sự

- Giới thiệu được nhân vật tình huống sự việc
- Diễn biến sự việc
- Kết quả suy nghĩ

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng 1: Trắc nghiệm:

Nhận biết từ đơn, từ ghép, từ láy, phát hiện các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,.....

Dạng 2: câu hỏi đọc hiểu VB:

- Nhận biết thể loại, PTBD, từ ngữ hình ảnh đặc sắc thể hiện nội dung văn bản, các phép tu từ,.....
- Hiểu và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ
- Hiểu nội dung của đoạn văn bản, rút ra được ý nghĩa, thông điệp được thể hiện trong đoạn văn bản.

Dạng 3: Viết

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân

Phần 3: Một số bài tập minh họa

A. Trả lời câu hỏi:

Câu 1: Thế nào là truyện đồng thoại? Truyện đồng thoại có các yếu tố nào?

Câu 1: Từ là gì? Phân theo cấu tạo, từ tiếng Việt được chia làm mấy loại chính? Đó là những loại nào? Cho ví dụ với mỗi loại?

Câu 2: Phân biệt từ ghép, từ láy? Lấy ví dụ?

Câu 3: Nghĩa của từ là gì? Có mấy cách giải thích nghĩa từ?

Câu 4: Thế nào là so sánh? Tác dụng của phép so sánh? Cho ví dụ?

Câu 5: Nhân hóa là gì? Tác dụng của phép nhân hóa? Cho ví dụ?

B. Đọc – Hiểu:

Bài tập 1: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

"Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lát phát... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng

rong. Thỏ tìm cách quần tằm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tằm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tằm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tằm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tằm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quần lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.

- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ừ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tằm vải trên mình Thỏ để may.

(Trích “Những chiếc áo ấm”, Võ Quảng)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên. Truyện được kể theo ngôi kể nào?

Câu 2. Khi thấy Thỏ bị rơi chiếc áo khoác xuống nước, Nhím đã có hành động gì? Hành động của Nhím nói lên điều gì?

Câu 3: Xác định các từ láy được sử dụng trong đoạn văn “Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khăng khiu chóc chóc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên góc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tằm vải dẹt bằng rong”.

Câu 4: Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau “Những cành cây khăng khiu chóc chóc run lên bần bật”.

Câu 5. Từ đoạn văn trên, em rút ra cho mình những thông điệp nào? (Trình bày trong khoảng 3-5 dòng.)

Bài tập 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Lặng rồi cả tiếng con ve,
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
Nhà em vẫn tiếng ạ ời,
Kẽo cạp tiếng võng mẹ ngồi mẹ ru.
Lời ru có gió mùa thu,
Bàn tay mẹ quạt, mẹ đưa gió về.
Những ngôi sao thức ngoài kia,
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.
Đêm nay con ngủ giấc tròn,
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ - Trần Quốc Minh, Theo Thơ chọn với lời bình, NXB Giáo dục 2002)

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào? Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản? Chỉ ra cách gieo vần trong 2 câu thơ đầu?

Câu 2: Trong đêm hè, người mẹ đã làm gì để ru con ngủ? Những âm thanh nào được tác giả nhắc đến trong bài thơ? Cụm từ “ngủ giấc tròn” có nghĩa là gì?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nào đã được tác giả sử dụng trong các câu thơ “Những ngôi sao thức ngoài kia/ Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con”?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: *Mẹ là ngọn gió của con suốt đời*

Câu 5: Nêu nội dung chính của bài thơ? Hãy ghi lại bài học mà em rút ra sau khi đọc bài thơ “Mẹ”.

Bài tập 3: Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN

Mùa xuân đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Theo Đoàn Công Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò)

Câu 1. Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2. Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy? Nhân vật chính trong truyện là ai? Từ “hốt hoảng” trong câu “Mèn hốt hoảng” có nghĩa là gì?

Câu 3: Tại sao Chim Én muốn đưa Dế Mèn cùng đi chơi? Hành động đó của Én thể hiện phẩm chất gì?

Câu 4 Em có đồng ý với suy nghĩ của Dế Mèn “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?” không? Vì sao?

Câu 5. Em rút ra những bài học gì cho bản thân từ câu chuyện trên? (Trình bày trong khoảng 3-5 dòng).

Bài tập 4: Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

*Yêu từng bờ ruộng, lối mòn,
Đỏ tươi bông gạo, biếc rờn ngàn dâu.
Yêu con sông mắt sóng xao,
Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca.
Yêu hàng ốt đã ra hoa
Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông.
Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm.*

(Ta yêu quê ta, Lê Anh Xuân, Thơ Thiếu nhi chọn lọc, NXB Văn học, 2017, tr.94)

Câu 1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên? Nêu chủ đề của bài thơ?

Trong 4 câu thơ đầu, cảnh vật quê hương được hiện lên qua những hình ảnh nào?

Câu 2: Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên? Tác dụng của biện pháp nhân hóa trong dòng thơ: “Dòng sông tuổi nhỏ rì rào hát ca” là gì?

Câu 3: Nêu ý nghĩa lời ru của mẹ trong hai dòng thơ sau:

*“Yêu sao tiếng mẹ ru nồng,
Tiếng thoi lách cách bên nong dâu tằm”.*

Câu 4: Chỉ rõ và nêu hiệu quả của biện pháp điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ?

Câu 5: Qua nội dung của bài thơ, em nhận thấy mình cần làm gì để góp phần xây dựng quê hương?

C. Viết:

Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em.



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng

Trần Phương Thảo

Phân môn Lịch sử:**I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập:****1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06.**

- Vì sao phải học lịch sử, cách tính thời gian, các nguồn tư liệu lịch sử
- Xã hội nguyên thủy, nguồn gốc loài người

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Vì sao phải học lịch sử?

Câu 2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?

Câu 3. Vì sao phải xác định thời gian?

Câu 4. Con người có nguồn gốc từ đâu?

Câu 5. Xã hội nguyên thủy phát triển như thế nào? Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa.**1. Bài tập trắc nghiệm.**

Câu 1. Tư liệu chữ viết là

- A. những hình khắc trên bia đá.
- B. những câu truyện cổ tích.
- C. những hình vẽ trên vách đá.
- D. những bản ghi; sách được in, khắc bằng chữ viết, vở chép tay...

Câu 2. Con người là kết quả của quá trình tiến hóa từ đâu?

- A. Người tối cổ. B. Người tinh khôn. C. Vượn người. D. Vượn.

Câu 3. Em năm nay 12 tuổi, vậy em sống trong thập kỉ thứ mấy?

- A. Thập kỉ thứ nhất. B. Thập kỉ thứ hai.
- C. Thập kỉ thứ ba. D. Thập kỉ thứ mười hai.

Câu 4. Phát minh quan trọng nhất của Người tối cổ là gì?

- A. Chế tác công cụ lao động. B. Chế tác đồ gốm.
- C. Biết cách tạo ra lửa. D. Chế tác đồ gỗ, đồ gốm.

Câu 5. Người tinh khôn xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

- A. Khoảng 60 vạn năm trước. B. Khoảng 15 vạn năm trước.
- C. Khoảng 10 vạn năm trước. D. Khoảng 5 vạn năm trước.

Câu 6: Năm 179 TCN cách ngày nay năm nay (2023) là bao nhiêu năm?

- A. 1500 năm. B. 2199 năm. C. 1477 năm. D. 2202 năm.

2. Bài tập tự luận.

Câu 1. Lịch sử là gì?

Câu 2. Có những nguồn tư liệu nào để biết và phục dựng lại lịch sử? lấy VD?

Câu 3. Dựa vào đâu để xác định thời gian?

Câu 4. Trình bày quá trình tiến hóa của loài người? Lý do khiến người nguyên thủy phải hợp tác lao động với nhau là gì?

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập**

1. Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 1 đến tuần 6

2. Các câu hỏi trọng tâm

Câu 1. Trình bày đặc điểm vị trí, hình dạng và kích thước của Trái Đất?

Câu 2. Hãy cho biết thế nào là kinh độ, vĩ độ, tọa độ địa lí của 1 điểm?

Câu 3. Ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ? Trên một bản đồ có tỉ lệ 1: 5 000 000. Biết khoảng cách trên bản đồ từ Hà Nội đến thành phố Thái Bình là 3.5cm, vậy khoảng cách thực tế từ Hà Nội đến thành phố Thái Bình là bao nhiêu km?

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Bài tập TNKQ: (Ôn tập từ bài 1 đến bài 6)

Câu 7. Các đường dọc nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa cầu là

A. vĩ tuyến. B. kinh tuyến góc. C. kinh tuyến. D. vĩ tuyến góc.

Câu 8. Kinh tuyến gốc là kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uyt của nước Anh, được đánh số:

A. 80^0 B. 90^0 C. 180^0 D. 0^0

Câu 9. Để thể hiện ranh giới quốc gia, người ta dùng kí hiệu nào sau đây?

A. Điểm. B. Đường. C. Diện tích. D. Hình học.

Câu 10. Theo quy ước đầu bên trên của kinh tuyến chỉ hướng nào sau đây ?

A. hướng Bắc B. hướng Nam C. hướng Tây D. hướng Đông

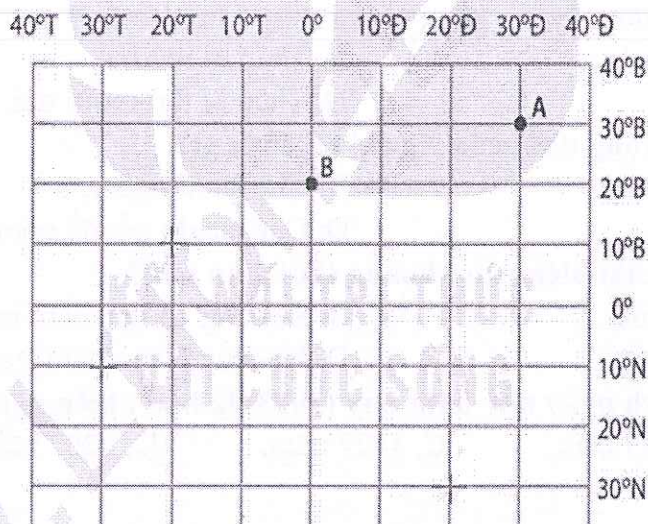
Câu 11. Kí hiệu diện tích dùng để biểu hiện:

A. than đá B. vùng trồng lúa C. sân bay D. ranh giới quốc gia

Câu 12. Bản đồ có tỉ lệ 1: 1.000.000, cho biết 4cm trên bản đồ ứng với:

A. 400 km trên thực địa B. 40 km trên thực địa C. 4000km trên thực địa

2. Bài tập: Xác định tọa độ địa lí của các điểm: A, B



BGH duyệt

TTCM

NTCM

Nguyễn Ngọc Lan

Lưu Hoàng Trang

Hoàng Thị Liên

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 06

- Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ,
- Yêu thương con người,
- Siêng năng, kiên trì.

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là tự hào về truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện như thế nào?

Câu 2: Thế nào là yêu thương con người? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện lòng thương con người như thế nào?

Câu 3: Thế nào là siêng năng, kiên trì? Biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện siêng năng, kiên trì như thế nào?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” nói về truyền thống nào ?

- A. Truyền thống yêu nước.
- B. Truyền thống hiếu học.
- C. Truyền thống tôn sư trọng đạo.
- D. Truyền thống đoàn kết.

Câu 2: Câu ca dao, tục ngữ nào không thể hiện tình yêu thương con người?

- A. Thương người như thể thương thân
- B. Lá lành đùm lá rách
- C. Kính lão đắc thọ
- D. Há miệng chờ sung

Câu 3: Lòng yêu thương con người

- A. xuất phát từ tấm lòng, trong sáng.
- B. xuất phát từ mục đích.
- C. hạ thấp giá trị con người.
- D. làm những điều có hại cho người khác.

Câu 4: Đây là biểu hiện của siêng năng?

- A. Cần cù
- B. Nản lòng
- C. Quyết tâm
- D. Chóng chán

Câu 5: Bạn P gặp bài khó là nản lòng, không chịu suy nghĩ nên toàn chép lời giải trong sách giáo khoa. Ta nói bạn A là người thế nào?

- A. Siêng năng, chăm chỉ.
- B. Lười biếng.
- C. Tiết kiệm.
- D. Trung thực.

2. Bài tập:

Bài tập 1: Quê của bạn K là một vùng quê nghèo khó. Bao đời này, trong dòng họ của K chưa có ai đỗ đạt cao và làm chức vụ gì quan trọng. K không bao giờ muốn giới thiệu quê hương và dòng họ mình với bạn bè. K cảm thấy xấu hổ về đất quê nghèo và dòng họ của mình.

- a/ Em có đồng tình với cách nghĩ của K không?
- b/ Nếu em là bạn của K, em sẽ nói gì với bạn ấy?

Bài tập 2: Nhà trường phát động đợt quyên góp ủng hộ những nạn nhân trong vụ cháy chung cư mini tại phố Khương Hạ, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ở lớp của L, các bạn ủng hộ tiền và rất vật dụng sinh hoạt. Do gia đình khó khăn nên L chỉ đóng góp được một ít sách giáo khoa cũ. Một số bạn trong lớp phê bình L làm ảnh hưởng tới thành tích của lớp và cho rằng L không biết yêu thương, giúp đỡ người khác.

Câu hỏi:

- a/ Theo em, một số bạn phê bình L như vậy có đúng không? Vì sao?
- b/ Nếu là thành viên trong lớp của L, em sẽ tham gia hoạt động này như thế nào?

Bài tập 3: B luôn làm bài tập đầy đủ trước khi đến lớp. Chia sẻ với các bạn bí quyết của mình, B cho biết: "Với những bài tập khó, mình ít khi suy nghĩ mà thường chép lời giải ở phần hướng dẫn."

Câu hỏi:

- a/ Em có nhận xét gì về cách học của B?
- b/ Nếu là bạn của B, em sẽ khuyên bạn điều gì?



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng

Phùng Thị Vui

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: ANH- NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ
HỌC KỲ I- NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: TIẾNG ANH
KHỐI: 6

I. PART 1: Knowledge

1. Vocabulary

Words/ Phrases related to the topic in Unit 1,2,3 (My new school, My house, My friends)

2. Grammar

- Present simple
- Adverbs of frequency
- Possessive case
- Prepositions of place
- Present continuous

3. Phonetics:

- Pronunciation: /ɑ:/, /ʌ/, /s/, /z/, /b/ and /p/
- Word stress: From Unit 1 to Unit 3

II. PART 2: Exercises

A. MULTIPLE CHOICE

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation

- | | | | |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|---------------------|
| 1. A. sm <u>ar</u> t | B. sh <u>ar</u> pener | C. <u>ar</u> t | D. gram <u>mar</u> |
| 2. A. toilet <u>s</u> | B. lamp <u>s</u> | C. school <u>s</u> | D. cheek <u>s</u> |
| 3. A. clim <u>b</u> | B. club <u>b</u> | C. cupbo <u>ar</u> d | D. <u>be</u> droom |
| 4. A. garden <u>s</u> | B. bed <u>s</u> | C. parent <u>s</u> | D. Hall <u>s</u> |
| 5. A. mon <u>th</u> | B. funn <u>y</u> | C. fat <u>h</u> er | D. bro <u>th</u> er |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose STRESS differs from the other

- | | | | |
|------------------|-------------|---------------|--------------|
| 6. A. calculator | B. creative | C. dishwasher | D. confident |
| 7. A. favourite | B. remember | C. biology | D. piano |
| 8. A. active | B. compass | C. study | D. behind |
| 9. A. uniform | B. history | C. between | D. wardrobe |
| 10. A. friendly | B. cooker | C. homework | D. advice |

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following sentences

11. I _____ English lessons on Tuesday and Friday every week.
A. have B. is having C. has D. had
12. I need to take a shower. Where is the _____?
A. dining room B. living room C. bedroom D. bathroom
13. Listen! The teacher _____ the lesson to us.
A. explain B. is explaining C. explains D. to explain
14. My _____ flat is in a tall building.
A. cousins B. cousin' C. cousin's D. cousin

15. Peter is very _____. He pays attention to what he is doing
 A. carefully B. careful C. care D. careless
16. There _____ two pencils and a school bag on the desk.
 A. are B. is C. am D. be
17. Nick has broad shoulders and strong _____.
 A. cheeks B. arms C. eyes D. head
18. Julia _____ excited when a new school year _____.
 A. feels always - starts B. feel always - start
 C. always feels - start D. always feels - starts

19. My sister often _____ exercise in the morning.
 A. does B. has C. studies D. plays
20. I live _____ my parents and my younger brother _____ a town house.
 A. at - at B. with - in C. with -at D. of - in

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction

21. Hector never is the last one to leave the room.
 A. never is B. the C. to D. the
22. They are draw pictures at the moment .
 A. draw B. the C. they D. at
23. She is short hair and big eyes.
 A. eyes B. is C. and D. short
24. He lives in a small town behind Liverpool and Manchester.
 A. lives B. in C. a D. behind

Circle the letter A,B C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s)

25. Phong and Duy have new subjects to study.
 A. wear B. cycle C. learn D. watch
26. We are moving to an apartment next month.
 A. house B. flat C. villa D. cottage

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s)

27. Sara studies all day. She is a hard-working girl.
 A. funny B. creative C. caring D. lazy
28. I can't see the screen because of the person in front of me.
 A. behind B. between C. on D. next to

Circle the letter A,B,C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

29. Sol: "Eva, this is Elena, my new friend." - Eva: "Hello, Elena."
- A. You're welcome! B. Thank you! C. Nice to meet you. D. Never mind.
30. Linda: "What's your best friend like?" - Daisy: "....."
- A. She likes reading books. B. She's caring and friendly.
 C. She's tall with blonde hair. D. She's talking to Mai over there.

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

My dream school is a quiet school (31) _____ the countryside. We have just two or three hours a day in the morning. Then, in the afternoon, we can do many (32) _____ like singing, dancing, playing sports and games. We can do (33) _____ we want after school. In my dream school, we can also choose the classes we like: for example, you're not going to learn mathematics or physics if you hate (34) _____. Therefore, it's a free school and you can (35) _____ a lot of friends !

31. A. in B. on C. at D. about
32. A. active B. actions C. activities D. acts
33. A. who B. why C. where D. what
34. A. them B. it C. her D. him
35. A. make B. do C. play D. take

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

There is a newcomer in our class. Her name is Daisy. She is tall with curly, blonde hair. She has big blue eyes.

Although she is a newcomer, she is friendly. It is the reason why she can make friends with other students easily. During the lessons, Daisy rarely talks when the teacher explains something. In class, she is hard-working and does all exercises. When we work in groups, she is helpful and active. She always makes everything exciting.

Daisy's house is far away from school, so she stays in the campus. After class, she takes part in a sports club of the school. She is sporty and can play volleyball well.

She enjoys reading books, going out with friends, listening to music, and hiking. She tells me she would like to become a tour guide and she also wants to travel to many other places in the world.

36. What is Daisy's appearance?

- A. She is tall with straight blonde hair. B. She is tall and she has blue eyes.
C. She is short with curly blonde hair. D. She is short and she has brown eyes.

37. Why does she make friends with other students easily?

- A. Because she is hard -working. B. Because she is a newcomer.
C. Because she stays in the campus. D. Because she is friendly.

38. When working in groups, Daisy _____.

- A. is hard-working and does all exercises
B. does all exercises and makes everything exciting
C. is helpful and active
D. is helpful but she rarely talks

39. Daisy doesn't like _____.

- A. playing football B. listening to music
C. reading books D. going out with friends

40. Which of the following statements is NOT true about Daisy?

- A. During the lessons, she talks when the teacher explains something.
B. She joins the school sports club after class.
C. She stays in the campus because her house is far away from school.
D. She wants to become a tour guide and travel to many places.

B. WRITING

Reorder the words/phrases to make meaningful sentences.

41. friendly/ because/ don't/ I/ Joana/ she/ like/ isn't/.

42. pictures/There/are/the wall/two/on/.

43. homework/ after/ I/ always/ my/ do/ school/.

44. to/ you/ride your bike/Do/often/ school /?

45. at/ teacher/ teaching/ us/ is/ our/ Maths/ present/.

Complete the second sentence so that it means the same as the first.

46. He walks to school every day.

→ He goes.....

47. I have a bed, two wardrobes, a desk and four chairs in my bedroom.

→ There

48. Mai has a younger sister. Her name is Hoa.

→ Hoa is.....

49. Mary's hair is long and black.

→ Mary has.....

50. Let's have a picnic this weekend.

→ How about.....?



Nguyễn Ngọc Lan

TTCM/ NTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I – MÔN THỂ DỤC

NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT- KHỐI 6

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung: Bài thể dục liên hoàn 30 động tác

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện bài thể dục liên hoàn 30 động tác đúng nhịp, đúng biên độ và thuộc bài.

III. Hình thức kiểm tra

- Trực tiếp hoặc trên nhà thể chất



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: ANH – NĂNG KHIẾU

NỘI DUNG ÔN TẬP
GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2023 – 2024
MÔN: NGHỆ THUẬT – KHỐI 6

I, KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 2 bài hát:

- Con đường học trò
- Đời sống không già vì có chúng em

2. Lí thuyết âm nhạc:

- Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 1

II, KĨ NĂNG – KĨ THUẬT CẦN ĐẠT

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài: hát đúng kĩ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN

III, HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo nhóm hoặc từng học sinh



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

TCCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhàn

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Anh – Năng khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KỲ - HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN: Nghệ thuật (Mĩ thuật)

KHỐI: 6

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

- Kiến thức về cách vẽ tranh theo giai điệu âm nhạc.
- Kiến thức về cách tạo tranh in hoa lá.
- Kiến thức về cách sắp xếp bố cục, họa tiết, hình ảnh, màu sắc trong trang trí ứng dụng.

II. Phần 2: Đề bài minh họa

Đề bài 1 Em hãy tạo một bức tranh theo giai điệu âm nhạc. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 2: Em hãy tạo một bức tranh in hoa lá. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 3: Em hãy trang trí một bưu thiếp chúc mừng nội dung tự chọn theo ý thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.



BGH duyệt

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM

PHO HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Lan

TTCM/ NTCM

Htm
Vu Hong Tam

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ
HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN – KHỐI 6

PHẦN A: Nội dung kiến thức cần ôn tập

I. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 6

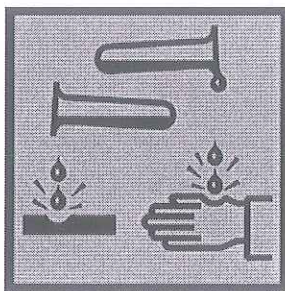
II. Một số nội dung trọng tâm

1. Các lĩnh vực của khoa học tự nhiên, vai trò của khoa học tự nhiên với công nghệ và đời sống.
2. Một số quy định an toàn trong phòng thực hành.
3. Cách sử dụng và bảo quản của kính lúp, kính hiển vi quang học.
4. Chủ đề các phép đo: Đơn vị đo, dụng cụ đo, cách sử dụng dụng cụ đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ.
5. Một số tính chất của chất. Sự chuyển thể của chất.
6. Tính chất vật lí và tầm quan trọng của Oxygen. Một số nguyên nhân gây ô nhiễm không khí.

PHẦN B. Một số dạng bài tập minh họa

I. Dạng bài tập trắc nghiệm:

Câu 1. Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?



- A. Chất dễ cháy.
- B. Chất gây nổ.
- C. Chất ăn mòn.
- D. Phải đeo găng tay thường xuyên.

Câu 2. Trong phòng thực hành việc làm nào sau đây không an toàn?

- A. Thực hiện theo chỉ dẫn của giáo viên, báo cáo giáo viên ngay nếu thấy mối nguy hiểm.
- B. Ngửi hoặc nếm để tìm hiểu xem hóa chất có mùi vị lạ không.
- C. Cẩn thận khi cầm dụng cụ thủy tinh, dao và các dụng cụ sắc nhọn.
- D. Luôn rửa tay bằng xà phòng sau khi chạm vào thực vật và động vật.

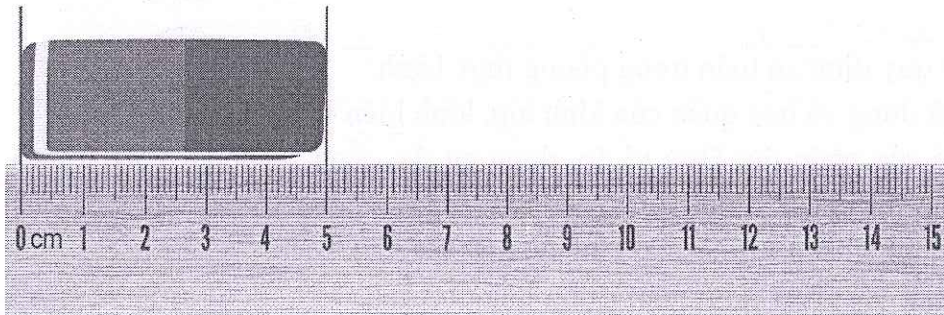
Câu 3. Cho các bước như sau:

- (1) Thực hiện phép đo nhiệt độ. (2) Ước lượng nhiệt độ của vật.
(3) Hiệu chỉnh nhiệt kế. (4) Lựa chọn nhiệt kế phù hợp.
(5) Đọc và ghi kết quả đo.

Các bước đúng khi thực hiện đo nhiệt độ của một vật là

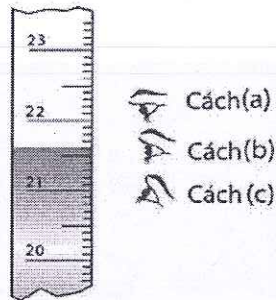
- A. (2), (4), (3), (1), (5). B. (1), (4), (2), (3), (5).
C. (1), (2), (3), (4), (5). D. (3), (2), (4), (1), (5).

Câu 4. Chọn cách ghi kết quả đo chính xác nhất chiều dài của vật dưới đây.



- A. 5,0 cm. B. 5 cm. C. 4 cm. D. 4,0 cm.

Câu 5. Khi dùng bình chia độ để đo thể tích chất lỏng, bạn Nguyễn đặt mắt để quan sát và đọc số đo theo 3 cách như trong hình bên. Theo em, bạn Nguyễn đặt mắt quan sát theo cách nào là đúng?



- A. Cách (a). B. Cách (b).
C. Cách (c). D. Cách nào cũng được.

Câu 6. Lúc 7 giờ 45 phút, một ô tô khởi hành đi từ bến A về bến B. Sau 30 phút thì xe ô tô đó đến bến B. Hỏi ô tô đến bến B lúc mấy giờ?

- A. 8 giờ 05 phút B. 8 giờ 15 phút C. 8 giờ 25 phút D. 8 giờ 45 phút

Câu 7. Nhiệt kế hoạt động dựa trên nguyên tắc nào?

- A. Sự nở vì nhiệt của chất rắn khác nhau là khác nhau.
B. Sự nở vì nhiệt của các chất khí khác nhau là giống nhau.
C. Sự nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là khác nhau.
D. Sự nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là giống nhau.

Câu 8. Nhiệt độ của nước đá đang tan và hơi nước đang sôi theo thang nhiệt độ Celsius là

- A. 0°C và 32°F B. 32°F và 100°C C. 0°C và 100°C D. 32°F và 212°F

Câu 9. Trong các nhóm vật thể dưới đây, nhóm các vật thể tự nhiên là

- A. ao, hồ, sông, suối. B. biển, mương, kênh, bể nước.
C. đập nước, máng, đại dương, rạch. D. hồ, thác, giếng, bể bơi.

Câu 10. Một số chất khí có mùi thơm toả ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

- A. Dễ dàng nén được. B. Có thể lan toả trong không gian theo mọi hướng.
C. Không có hình dạng xác định. D. Không chảy được.

Câu 11. Hiện tượng nào sau đây thể hiện tính chất vật lí của chất?

- A. Đinh sắt bị gỉ khi bị để lâu ngoài không khí ẩm.
B. Muối ăn khô hơn khi đun nóng.
C. Đốt cháy tờ giấy thành tro.
D. Cơm nếp lên men thành rượu nếp.

Câu 12. Sự chuyển thể nào sau đây xảy ra ở mọi nhiệt độ?

- A. Sự nóng chảy. B. Sự đông đặc. C. Sự bay hơi. D. Sự sôi.

Câu 13. Nhiệt độ nóng chảy của sắt là 1538°C , ở nhiệt độ thường sắt tồn tại ở thể

- A. rắn. B. lỏng C. khí. D. không xác định được.

Câu 14. Oxygen có tính chất nào sau đây?

- A. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí và không duy trì sự cháy.
B. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.
C. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nhẹ hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.
D. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

Câu 15. Khi nào thì môi trường không khí được xem là bị ô nhiễm?

- A. Khi xuất hiện thêm chất mới vào thành phần không khí.
B. Khi thay đổi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí.
C. Khí thay đổi thành phần, tỉ lệ các chất trong môi trường không khí và gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người và các sinh vật khác.
D. Khi tỉ lệ % các chất trong môi trường không khí biến động nhỏ quanh tỉ lệ chuẩn.

II. Dạng bài tập tự luận:

Câu 1. Nêu cách sử dụng và bảo quản của kính lúp, kính hiển vi quang học?

Câu 2. Khi thực hiện sử dụng cân đồng hồ, một bạn học sinh đã tiến hành những thao tác sau:

- (1) Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng (2) Để vật lệch một bên trên đĩa cân
(3) Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ (4) Đọc kết quả khi cân đã ổn định
(5) Để vật cồng kềnh trên đĩa cân

Em hãy chỉ ra những thao tác sai của bạn học sinh khi sử dụng cân đồng hồ dẫn đến sai kết quả khi đo? Nêu cách khắc phục đối với những thao tác sai đó?

Câu 3. Phân biệt đặc điểm về hình dạng, khả năng lan truyền (chảy), khả năng chịu nén của chất ở thể rắn, lỏng, khí?

Câu 4. Phân biệt các quá trình nóng chảy và đông đặc; quá trình hóa hơi và ngưng tụ?

Câu 5. Đổi các đơn vị đo sau:

- a. $650\text{g} = \dots\text{kg}$; $2,4\text{ tạ} = \dots\text{kg}$; $12\text{ lạng} = \dots\text{kg}$
b. $45\text{ phút} = \dots\text{s}$; $1\text{ giờ } 33\text{ phút} = \dots\text{s}$; $24\text{ giờ} = \dots\text{ phút}$
c. $5^\circ\text{C} = \dots^\circ\text{F}$; $20^\circ\text{C} = \dots\text{K}$

Câu 6. Một bình tràn chỉ có thể chứa được nhiều nhất là 100 cm^3 nước, đang đựng 60 cm^3 nước. Thả một vật rắn không thấm nước vào bình thì thấy thể tích nước tràn ra khỏi bình là 30 cm^3 . Thể tích vật rắn là bao nhiêu?



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

Tổ trưởng chuyên môn

Đỗ Minh Phương

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Nội dung kiến thức

Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

- Lịch sử Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.
- Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu ở Hà Nội từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X.

2. Câu hỏi ôn tập

Câu 1: Trình bày những hiểu biết của em về nền văn hóa Phùng Nguyên và văn hóa Gò Mun (Thời gian, những dấu tích, điểm nổi bật)?

Câu 2: Em hãy nêu địa danh Hà Nội thời kì Bắc thuộc.

Câu 3: Em hãy giới thiệu một vài nét về di tích thành Cổ Loa.

Câu 4: Em hãy trình bày một số biện pháp bảo tồn, gìn giữ phát triển thành Cổ Loa.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

Học sinh thực hiện kiểm tra dưới hình thức bài tập dự án.



Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Phạm Huyền Trang

A. TRỌNG TÂM ÔN TẬP

1. Nội dung kiến thức: Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 6.

- Lớp học mới của em..
- Truyền thống nhà trường .
- Điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới.
- Em và các bạn.
- Em đã lớn hơn.
- Đức tính đặc trưng của em.

2. Câu hỏi ôn tập:

Câu 1. Em hãy nêu một số việc nên làm để điều chỉnh bản thân cho phù hợp với môi trường học tập mới ?

Câu 2. Em hãy nêu một số sự thay đổi tích cực của bản thân so với khi còn là học sinh tiểu học?

Câu 3. Em hãy nêu ít nhất 4 việc nên làm để có một góc học tập gọn gàng ngăn nắp, khoa học ?

Câu 4. Tình huống: Tiết học Toán đã kết thúc mà Hưng vẫn cảm thấy chưa thấy rõ về nội dung đã học. Nếu là Hưng, em sẽ làm gì để hiểu rõ bài hơn?

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

Học sinh thực hiện kiểm tra dưới hình thức bài tập dự án.



BGH duyệt

Nguyễn Ngọc Lan

NTCM

Nguyễn Thị Diệu Hà

なまえ(Tên) : クラス(Lớp) :

I. PHẠM VI ÔN TẬP

Toàn bộ kiến thức từ tuần 1 đến tuần 6

II. NỘI DUNG ÔN TẬP: BÀI 1 VÀ 2

A. Lý thuyết

1. Bảng chữ mềm (hiragana): Từ hàng あ đến hàng は
2. Các câu chào hỏi, cách chào tạm biệt
3. Học thuộc cách đếm số từ 1-20
4. Các từ mới trong sgk trang 154, 155

B. Bài tập

Bài 1: Chuyển các âm sau sang chữ mềm:

| | | | | |
|---------------|-----|-----|----|----|
| VD: a あ | i | u | e | o |
| ka | ki | ku | ke | ko |
| sa | shi | su | se | so |
| ta | chi | tsu | te | to |
| na | ni | nu | ne | no |
| ha | hi | fu | he | ho |

Bài 2: Chọn đáp án có cách đọc tiếng nhật đúng của các số đếm sau đây:

Số 1

A. ichi

B. ni

C. san

D. yon

Số 3

A. ni

B. san

C. ichi

D. shi

Số 5

A. yon

B. go

C. san

D. roku

Số 7

A. hachi

B. roku

C. go

D. shichi

Số 9

A. ku

B. juu

C. hachi

D. yon

Số 10

A. ku

B. kyuu

C. yuu

D. juu

Số 12

A. juu ichi

B. juu ni

C. ni juu

D. ichi ni

Số 14

A. juu yon

B. juu go

C. ichi yon

D. yon juu

Số 16

A. roku juu

B. go juu

C. juu roku

D. yuu roku

Số 18

A. juu shichi

B. juu hachi

C. hachi juu

D. juu kyuu

Số 20

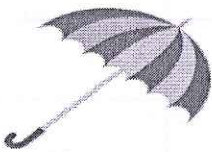
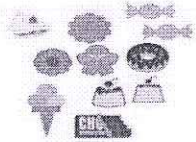
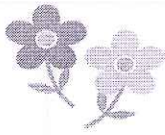
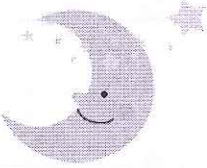
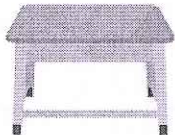

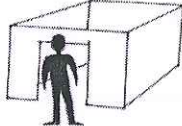
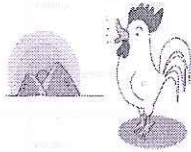
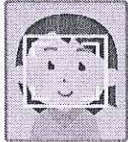



A. juu ni

B. ni juu

C. yuu ni

D. ni yuu

Bài 3: Hãy điền các tranh sau bằng chữ mềm:

| | | | |
|---|---|--|---|
|  |  |  |  |
| | | | |
|  |  |  |  |
| | | | |
|  |  |  |  |
| | | | |

Bài 4: Hãy viết nghĩa các câu chào sau về tiếng Việt:

| | Tiếng Nhật | Tiếng Việt |
|----|---------------------|------------|
| 1. | Konnichiwa | |
| 2. | Sayounara | |
| 3. | Hajimemashite | |
| 4. | Konbanwa | |
| 5. | Ohayou gozaimasu | |
| 6. | Oyasumi | |
| 7. | Jaane | |
| 8. | Watashi wa Mai desu | |

Chúc các con ôn tập tốt!

GVBM



Nguyễn Thị Thái Hằng

Nhóm trưởng



Lương Thị Bích Ngọc



Nguyễn Ngọc Lan

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I – LỚP 6
MÔN HỌC TIẾNG HÀN
NĂM HỌC 2023-2024

1. Nguyên âm (21)

| | | | | | | | | | |
|---|----|---|----|---|----|---|----|---|---|
| ㅏ | ㅑ | ㅓ | ㅕ | ㅗ | ㅛ | ㅜ | ㅠ | ㅡ | ㅣ |
| a | ya | o | yo | ô | yô | u | yu | ư | i |

| | | | | | | | | | | |
|-----|-------|---|----|----|----|----|----|----|----|----|
| ㅚ | ㅜ | ㅝ | ㅞ | ㅚ | ㅜ | ㅝ | ㅞ | ㅟ | ㅠ | ㅡ |
| e/ê | ye/yê | ê | yê | oa | uơ | uê | uê | uê | uy | ui |

2. Phụ âm (19)

| | | | | | | | | | |
|-----|---|-----|-----|---|-----|---|----|------|---|
| ㄱ | ㄴ | ㄷ | ㄹ | ㅁ | ㅂ | ㅅ | ㅈ | ㅇ | ㅎ |
| c/k | n | t/d | r/l | m | p/b | s | ch | -/ng | h |

| | | | |
|----|----|-----|----|
| ㅋ | ㅌ | ㅍ | ㅊ |
| kh | th | ch' | ph |

| | | | | |
|-------|----|----|----|-----|
| ㄸ | ㄺ | ㅃ | ㅆ | ㅉ |
| cc/kk | tt | pp | ss | cch |

3. Luyện đọc từ cơ bản và học thuộc nghĩa.

| | | | | | |
|----|--|--------------|-----|--|----------|
| 아이 | | Em bé | 세계 | | Thế giới |
| 구두 | | Giày cao gót | 모자 | | Cái mũ |
| 바지 | | Cái quần | 아버지 | | Bố |
| 다리 | | Cây cầu | 어머니 | | Mẹ |
| 포도 | | Quả nho | 나비 | | Con bướm |

4. Phụ âm cuối (patchim)

(1) ㄴ : n

(2) ㅁ : m

(3) ㅇ : ng

(4) 르 : l,r

(5) ㄱ, ㅋ, ㆁ : c/k

(6) ㅂ, ㅍ : p

(7) ㄷ, ㅌ, ㅅ, ㅆ, ㅈ, ㅊ, ㅍ : t

5. Luyện đọc từ có phụ âm cuối

| | | | | | |
|-----|--|-----------|----|--|-----------|
| 학생 | | Học sinh | 칠판 | | Cái bảng |
| 선생님 | | Giáo viên | 가족 | | Gia đình |
| 책상 | | Cái bàn | 있다 | | Có |
| 꽃 | | Hoa | 밭 | | Cánh đồng |
| 숲 | | Rừng | 말 | | Con ngựa |

6. Từ chào hỏi

안녕하세요? Xin chào

안녕히 가세요. Tạm biệt (chào người đi)

안녕히 계세요. Tạm biệt (chào người ở lại)

감사합니다 [감사합니다]. Cám ơn

Các dạng bài ôn tập

BÀI 1: 받침이 있는 단어를 고르십시오.

(Hãy chọn từ có phụ âm cuối)

- ① 누나 ② 사과 ③ 감 ④ 아이
- ① 술 ② 커피 ③ 여기 ④ 오빠
- ① 의사 ② 주부 ③ 하나 ④ 돈
- ① 창문 ② 지도 ③ 구두 ④ 화가
- ① 차 ② 땀 ③ 호수 ④ 나라

BÀI 2: Nghe và chọn đáp án đúng.

6. / ka /

- ① 나 ② 무 ③ 가 ④ 서

7. / thu /

- ① 타 ② 태 ③ 티 ④ 투

8. / e-ki/

- ① 아우 ② 애기 ③ 아이 ④ 오이

9. /mô-cha/

- ① 버스 ② 다리 ③ 모자 ④ 차

10. / a-po-chi/

- ① 어머니 ② 오빠 ③ 아버지 ④ 언니

11. / nu-na/

- ① 누나 ② 기차 ③ 머리 ④ 자다

12. / tông-seng/

- ① 창문 ② 동생 ③ 시장 ④ 학생

13. / ch'ec -sang/

- ① 형 ② 그림 ③ 책상 ④ 의자

14. / sa-chin/

- ① 사진 ② 공책 ③ 주소 ④ 돼지

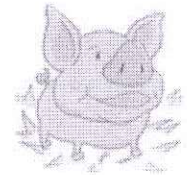
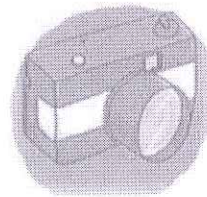
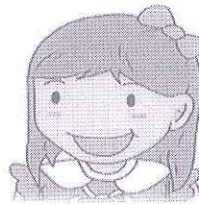
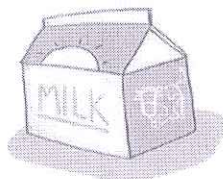
15. / u-ri/

- ① 아기 ② 소주 ③ 의사 ④ 우리

BÀI 3: 그림을 보고 알맞은 것에 연결하십시오.

(Nối từ đúng nghĩa với bức tranh)

16. 우유 17. 돼지 18. 모자 19. 카메라 20. 아이



BÀI 4: Lựa chọn từ có phụ âm cuối phát âm khác với những từ còn lại.

21.

- ① 입 ② 무릎 ③ 가입 ④ 산

22.

- ① 꼭 ② 곰 ③ 밖 ④ 국

23.

① 생강

② 공

③ 팔

④ 땅

24.

① 물

② 겨울

③ 꽃

④ 딸

25.

① 만

② 잔

③ 손

④ 입

26.

① 울다

② 술

③ 깎다

④ 달

27.

① 붓

② 발

③ 히읗

④ 꿈

BÀI 5: Dịch các câu sau sang tiếng Việt:

28. 베트남 사람이에요

29. 한국 사람이 아니에요

30. 이게 뭐예요 ?
